

Bản án số: 10/2019/KDTM-PT

Ngày: 14 - 8 - 2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán
và vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Hiền

Ông Nguyễn A Đam

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2019/TLPT-KDTM ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản”.

Do bản án dinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2019/KDTM-ST ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đại lý NY

Người đại diện theo pháp luật: Ông Văn Thanh H, sinh năm 1971; cư trú tại: Số 135 đường T, khóm 8, phường 8, thành phố CM, tỉnh C

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Du Thị B, sinh năm 1980; cư trú tại: Số 79 đường H, khóm 4, phường 9, thành phố CM, tỉnh C (văn bản ủy quyền ngày 10/12/2018, có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1966 là chủ đại lý Thanh X; cư trú tại: Ấp X, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Huỳnh Toàn L1, sinh năm 1987

2. Anh Huỳnh Tùng L2, sinh năm 1988

3. Anh Huỳnh Tuấn L3, sinh năm 1994

Cùng cư trú tại: Ấp X, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn Đại lý NY trình bày:

Năm 2013 Đại lý NY có hợp đồng bán thức ăn gia súc và thức ăn tôm cho vợ chồng ông Huỳnh Văn Hận và bà Nguyễn Thị X, hợp đồng bằng lời nói, không lập văn bản, đến năm 2014 ông Hận chết. Ngày 25/5/2015 bà X có đăng ký kinh doanh đại lý Thanh X và lấy hàng của Đại lý NYI về sử dụng và bán lại cho các hộ dân nuôi tôm. Thời gian mua bán đến ngày 16/4/2016 hai bên có đối chiếu công nợ thì bà X còn nợ Đại lý số tiền 5.000.000.000 đồng. Cũng trong ngày 16/4/2016 giữa Đại lý và bà X có ký hợp đồng mua bán, khi đó bà X có mua con giống, thức ăn tôm, bạt, lưới, cáp và mượn tiền đại lý để trả tiền máy phát điện. Tính đến ngày 20/12/2017 bà X còn nợ đại Lý số tiền 841.783.000 đồng.

Ngày 03/4/2018 đại lý có ký hợp đồng hợp tác kinh doanh (nuôi tôm công nghiệp công nghệ cao) với bà X để khi bà X có lợi nhuận sẽ trừ vào công nợ nhưng do bị thua lỗ nên tính đến ngày 12/11/2018 bà X còn nợ lại Đại lý số tiền liên quan đến hợp tác kinh doanh và tiền bà X mượn là 642.989.000 đồng (Tiền mượn là 98.000.000đ). Đại lý khởi kiện yêu cầu bà X phải thanh toán tổng số tiền thiếu là 6.484.772.000đ và hủy hợp đồng hợp tác kinh doanh với bà X.

Tại phiên tòa sơ thẩm phía Đại lý Như Ý yêu cầu bà X phải thanh toán số nợ mua bán thức ăn gia súc và nuôi tôm từ năm 2013 đến năm 2016 là 4.934.341.000đ. Đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh và số tiền bà X thiếu liên quan đến hợp đồng thì nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:*

Năm 2013 bà X cùng chồng là ông Huỳnh Văn Hận có hợp đồng với Đại lý NY mua bán thuốc và thức ăn nuôi tôm để nuôi tôm công nghiệp, phương thức giao dịch mua bán qua điện thoại. Vào khoảng cuối năm 2014 đầu năm 2015 bà có mở Đại lý Thanh X và có đăng ký kinh doanh giao dịch mua bán với Đại lý NY để mua thuốc, thức ăn nuôi tôm bán lại, hình thức giao dịch giống như trước đó. Bà X xác định từ năm 2014 đến 2018 mỗi năm có ký hợp đồng mua bán bằng văn bản. Bà X thừa nhận nợ từ năm 2013 đến năm 2016 là 4.934.341.000 đồng bà đồng ý trả cho Đại lý NY nhưng nay bà không có khả năng.

Mặc khác, bà không đồng ý hủy hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 03/4/2018 giữa Đại lý NY với bà vì hợp đồng hợp tác kinh doanh chưa hết hạn mà Đại lý NY chỉ canh tác được 4 tháng sau đó ngưng hợp đồng dẫn đến hư mô tura, lưới bạc, hư ao nên không nuôi được do đó bà không có khả năng trả nợ cho đại lý.

Đối với phần nợ còn lại theo bản tổng hợp đối chiếu công nợ ngày 16/01/2019 số tiền mua bạt, lưới cáp là 285.595.000 đồng nuôi thua lỗ nên chia đôi giữa đại lý và bà X thì bà X còn nợ Đại lý NY số tiền 142.797.000 đồng, nay ông H không yêu cầu để ông H và bà X thỏa thuận thì bà cũng đồng ý.

** Anh Huỳnh Tuấn L3 và anh Huỳnh Toàn L1 trình bày:* Từ trước đến nay bà Nguyễn Thị X cùng hợp tác với Đại lý NY, anh L3 và anh L1 không biết và không liên quan trong vụ án.

* *Anh Huỳnh Tùng L2 trình bày:* Từ trước đến nay anh không hợp đồng hợp tác với Đại lý NYI. Ông Văn Thanh H khởi kiện bà X và cho rằng anh có liên quan đến phần nợ anh không đồng ý, anh xác định không có nợ ông H.

Tại bản án Kinh Doanh Thương Mại sơ thẩm số: 02/2019/KDTM-ST ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi đã quyết định:

Đình chỉ yêu cầu của Đại lý NY về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị X cùng các con của bà X là anh Huỳnh Tùng L2, anh Huỳnh Tuấn L3 và anh Huỳnh Toàn L1 cùng có trách nhiệm trả cho Đại lý NY số tiền 1.550.431.000 đồng (một tỷ năm trăm năm mươi triệu bốn trăm ba mươi một nghìn đồng) và yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 03/4/2018 giữa đại lý với bà X. Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Đại lý NY. Buộc bà Nguyễn Thị X phải trả cho Đại lý NY tổng số tiền là 4.934.341.000 đồng (bốn tỷ chín trăm ba mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/6/2019 bà Nguyễn Thị X kháng cáo với nội dung: Buộc Đại lý NY phải tiếp tục thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 03/4/2018 với bà. Nếu đại lý không đồng ý thì phải để bà tự nuôi tôm trên phần đất của bà đến ngày 03/4/2021.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Thị X, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa bà X thừa nhận bà nợ Đại lý NY số tiền là 4.934.341.000 đồng từ năm 2013 đến năm 2016. Hiện bà không có khả năng thanh toán vì liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh, bà yêu cầu Đại lý NY tiếp tục hợp tác với bà hoặc để bà tự nuôi tôm trên phần đất.

[2] Xét yêu cầu của bà X thấy rằng: Quá trình khởi kiện phía Đại lý NY có yêu cầu hủy hợp đồng hợp tác kinh doanh, tuy nhiên trước khi xét xử tại cấp sơ thẩm phía nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện liên quan đến hợp đồng này (BL 117) Tại phiên tòa sơ thẩm phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên việc rút một phần yêu cầu khởi kiện. Theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “2. *Trường hợp có đương sự*

rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của mình và việc rút yêu cầu của họ là tự nguyện thì Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu hoặc toàn bộ yêu cầu đương sự đã rút” và bà X cũng thừa nhận số nợ của hợp đồng hợp tác kinh doanh không liên quan đến số nợ mà Đại lý NYI hiện đang kiện bà X. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà X vẫn biết hợp đồng hợp tác kinh doanh nguyên đơn không kiện nhưng bà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Như vậy việc đình chỉ của cấp sơ thẩm do nguyên đơn rút một phần khởi kiện là có căn cứ, do cấp sơ thẩm không giải quyết tranh chấp đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa bà X và Đại lý NY nên việc bà X yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh là không có cơ sở để xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà X, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi. Như phân tích trên, đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của kháng cáo của bà X không được chấp nhận nên bà X phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 50, Điều 166 và Điều 175 Luật thương mại; Điều 428, Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị X. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Đình chỉ yêu cầu của Đại lý NY về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị X cùng các con của bà X là anh Huỳnh Tùng L2, anh Huỳnh Tuấn L3 và anh Huỳnh Toàn L1 cùng có trách nhiệm trả cho Đại lý NY số tiền 1.550.431.000 đồng (một tỷ năm trăm năm mươi triệu bốn trăm ba mươi một nghìn đồng) và yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 03/4/2018 giữa đại lý với bà X. Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Đại lý NY. Buộc bà Nguyễn Thị X phải trả cho Đại lý NY tổng số tiền là 4.934.341.000 đồng (bốn tỷ, chín trăm ba mươi bốn triệu, ba trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày Đại lý NY có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả thì hàng tháng bà Nguyễn Thị X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Đại lý NYI không phải chịu; hoàn trả lại cho Đại lý NY (do ông Văn Thanh H là người đại diện nộp) số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0008854 ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.934.341 đồng (một trăm mười hai triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm bốn mươi một đồng).

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí là 2.000.000 đồng, bà X đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009476 ngày 10/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu đổi trừ. Bà X phải nộp tiếp 1.700.000 đồng.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Hải Hà